

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30/9/2021

V/v “Kiện ly hôn,

tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Út;

2. Ông Dương Quý Sáng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Mạnh Tuấn – Thư ký

Toà án nhân dân huyện Bảo Yên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 106/2021/TLST - HNGĐ ngày 10/8/2021 về việc kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/9/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hương N - sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn S, xã L, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn S, xã L, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hương N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau ngày 29/10/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên uống rượu về nhà lại gây sự chửi bới, đánh đập vợ, trong cuộc sống vợ chồng không tin tưởng nhau. Từ năm 2021 anh T lại thường xuyên uống rượu nhiều hơn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Mặc dù đã được gia đình, bạn bè hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thay đổi. Đến nay, chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung cháu Nguyễn Tường V sinh ngày 10/9/2013 và cháu Nguyễn Thùy V sinh ngày

20/3/2016. Hiện các cháu đều phát triển khỏe mạnh bình thường. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Thùy V, để anh T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Tường V đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai và tại biên bản hòa giải ngày 26/8/2021 anh Nguyễn Văn T trình bày: Về thời gian, địa điểm kết hôn như chị Nh trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng không hiểu và không tin tưởng nhau. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị Nh tự ý đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ, anh T nhiều lần xin lỗi và đến đón vợ nhưng chị Nh vẫn không về. Đến nay chị Nh có đơn đề nghị xin ly hôn, anh T không nhất trí và có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung, về tên tuổi các cháu như chị Nh trình bày là đúng. Hiện nay các cháu đều phát triển khỏe mạnh bình thường. Trường hợp chị Nh kiên quyết xin ly hôn thì anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Tường V, để chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Thùy V đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp của vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 – Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Nguyễn Thị Hương N và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 29/10/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu và không tin tưởng lẫn nhau, từ đó xảy ra đánh cãi chửi nhau. Chị Nguyễn Thị Hương N đã cung cấp xác nhận của chính quyền địa phương về mâu thuẫn vợ chồng là đúng sự thật. Bản thân chị

Nh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hương N là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Tường V sinh ngày 10/9/2013 và cháu Nguyễn Thùy V sinh ngày 20/3/2016. Hiện các cháu đều phát triển khỏe mạnh bình thường, cháu V có nguyện vọng được ở với bố. Chị Nh và anh T đều là lao động tự do, chính quyền địa phương xác nhận chị Nh có tổng thu nhập là 4.490.000 đồng/tháng, anh T có mức thu nhập 9.000.000 đồng/tháng. Xét thấy chị Nh và anh T đều có khả năng, điều kiện để nuôi con chung và đều có nguyện vọng để chị Nh nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thùy V, để anh T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tường V. Do vậy cần giao cháu Nguyễn Thùy V cho chị Nguyễn Thị Hương N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giao cháu Nguyễn Tường V cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hương N phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hương N và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thùy V sinh ngày 20/3/2016 cho chị Nguyễn Thị Hương N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giao cháu Nguyễn Tường V sinh ngày 10/9/2013 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nh, anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hương N phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003341 ngày 10/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Yên (2);
- Các đương sự (2);
- THADS huyện Bảo Yên;
- UBND xã L;
- Lưu HS; Lưu TA;

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Anh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Yên (2);
- Các đương sự (2);
- THADS huyện Bảo Yên;
- UBND xã Cam Cọn;
- Lưu HS; Lưu TA;

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Anh